

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2026

V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hào

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Võ Trọng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị T, sinh năm 1983. Căn cước công dân số 040183003310. Nơi cư trú: Bản C, xã T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đậu Văn V, sinh năm 1976. Căn cước công dân số 040076017221. Nơi Đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Bản Cửa Rào 2, xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là bản C, xã T, tỉnh Nghệ An). Hiện nay đang ở nước Hàn Quốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Đậu Văn V tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2006. Chị T và anh V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) vào ngày **17 tháng 6 năm 2006** trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc đến năm 2017 thì anh Đậu Văn V đi xuất

khẩu lao động ở Hàn Quốc, thời gian đầu khi anh V đi thì anh có gọi điện thoại về nhà, nhưng đến năm 2021 thì anh không còn liên lạc với chị T, anh cũng không trở về Việt Nam lần nào. Vợ chồng sống xa nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, một mình chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt, các con hiện nay đã trưởng thành. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị T có nguyện vọng ly hôn với anh V để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Đậu Văn V có 02 con chung là cháu Đậu Văn N, sinh ngày 19/5/2006 và cháu Đậu Lương Tường V1, sinh ngày 02/12/2007 hiện các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về phía bị đơn: Quá trình từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho thân nhân anh Đậu Văn V, thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự, nhưng bị đơn là anh Đậu Văn V vắng mặt và không có ý kiến về vụ án.

Chị Lương Thị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh Đậu Văn V, chỉ biết hiện nay anh V đang sinh sống tại Hàn Quốc. Theo Công văn số 2836/QLXNC-Đ1 ngày 24/6/2026 của Phòng Q Công an tỉnh N thì anh Đậu Văn V sử dụng hộ chiếu B8354770 xuất cảnh ngày 05/7/2017 qua cửa khẩu S, hiện tại trên hệ thống chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Toà án đã yêu cầu ông Đậu Văn K (bố đẻ anh V), trú tại bản Cửa Rào, xã T, tỉnh Nghệ An cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn – anh Đậu Văn V cũng như yêu cầu ông K thông báo cho anh V biết chị Lương Thị T khởi kiện ly hôn anh V; đề nghị anh V gửi cho Tòa án lời khai, yêu cầu về vụ án trên. Ông Đậu Văn K cho biết thời gian ở nước ngoài, anh V thường xuyên liên lạc về với gia đình, anh V thường xuyên liên lạc với gia đình, liên lạc thông qua mạng xã hội messenger “Việt Đậu” và đã biết việc chị Lương Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đậu Văn V, đã đề nghị anh V cung cấp địa chỉ và gửi ý kiến về cho Tòa án. Nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản nào thể hiện ý kiến của anh V liên quan đến vụ án trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Đậu Văn V.

- Về con chung: Cháu Đậu Văn N, sinh ngày 19/5/2006 và cháu Đậu Lương Tường V1, sinh ngày 02/12/2007 đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn – anh Đậu Văn V có địa chỉ tại bản C, xã T, Nghệ An nhưng hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị T trình bày anh Đậu Văn V hiện đang ở Hàn Quốc nhưng không có địa chỉ cụ thể. Ông Đậu Văn K (bố đẻ của anh Đậu Văn V) đã thông báo cho anh V về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An. Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng liên quan theo quy định pháp luật, đồng thời yêu cầu ông Đậu Văn K cung cấp địa chỉ của anh Đậu Văn V ở Hàn Quốc nhưng ông K không cung cấp được. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử lần hai, Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào của anh V trình bày về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lương Thị T nên thuộc trường hợp có tính chất giấu địa chỉ nên không thể tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đối với nguyên đơn – chị Lương Thị T đã trực tiếp đến Tòa án để làm việc, được tiếp cận công khai chứng cứ và trình bày ý kiến của mình, nhưng không thể tham gia phiên tòa, nên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn – anh Đậu Văn V: Việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho anh Đậu Văn V, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ ý kiến trình bày của đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xác định chị Lương Thị T và anh Đậu Văn V làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/6/2006; việc kết hôn giữa hai người là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc do đó hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh Đậu Văn V là hợp pháp. Chị Lương Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, với anh Đậu Văn V nên cần được xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy chị T và anh V chung sống với nhau đến năm 2017 thì anh V đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, từ khi anh V đi xuất khẩu lao động anh V chưa trở về Việt Nam lần nào, vợ chồng sống xa nhau, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau từ năm 2021. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình..

[3.2] Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Đậu Văn V có 02 con chung là Cháu Đậu Văn N, sinh ngày 19/5/2006 và cháu Đậu Lương Tường V1, sinh ngày 02/12/2007 hiện các cháu đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị T không yêu cầu và anh Đậu Văn V cũng chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Đậu Văn V.

2. Con chung: Anh Đậu Văn N, sinh ngày 19/5/2006 và anh Đậu Lương Tường V1, sinh ngày 02/12/2007 đã trưởng thành nên không Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004632 ngày 16/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (Đã thi hành xong).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Bị vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ A trong thời hạn 01 (*Một*) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND Khu vực 11-Nghệ An;
- THADS Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Tương Dương, Nghệ An;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Ái